

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18/12/2017

V/v: “*Tranh chấp ly hôn
giữa chị Đ và anh P*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ôn Đình Thanh Nhỏ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2017/TLST - HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2017/QĐXX - ST, ngày 20 tháng 11 năm 2017. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1989; Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh K (Có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: 42/4 P, khu phố 2, phường A, thành phố R, tỉnh K; Tạm trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:

Chị và Anh Trần Nguyễn Ngọc P tự tìm hiểu quen biết nhau được cha mẹ hai bên đồng ý và đi đến hôn nhân với nhau vào năm 2012 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh K vào ngày 20/6/2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau, anh P không tôn trọng chị, đòi sống vợ chồng mất dần tình cảm, không còn hạnh phúc. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống chị và anh P có con 01 chung tên Trần Nhật T, sinh ngày: 27/7/2014, hiện con đang chung sống với chị, do chị chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với chồng là Anh Trần Nguyễn Ngọc P

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng con tên Trần Nhật T, sinh ngày: 27/7/2014, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án: Anh Trần Nguyễn Ngọc P công nhận lời trình bày của Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng. Nhưng về mâu thuẫn của vợ chồng là không đúng, trong cuộc sống vợ chồng anh cũng có những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày nhưng không đến mức phải ly hôn, anh P thừa nhận do bận công việc làm ăn từ khi vợ chồng anh mở quán nước nên anh ít quan tâm đến vợ con, do áp lực công việc nên nhiều khi anh cũng có những lời lẽ không hay đối với vợ, bản thân anh cũng biết mình có nhiều sai trái và đang dần sửa đổi bản thân để vợ chồng cùng chung sống chăm lo cho gia đình.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ, anh còn thương vợ con và xin được đoàn tụ chung sống với vợ để chăm lo cho gia đình và chăm lo cho con.

Nếu chị Đ cương quyết xin ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về con chung: Anh yêu cầu được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng con tên Trần Nhật T, sinh ngày: 27/7/2014, không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh Trần Nguyễn Ngọc P nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh P với tư cách là bị đơn trong vụ án hiện đang cư trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Đ và anh P chung sống với nhau vào năm 2012, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo

quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81/2014 vào ngày 20/6/2014. Do vậy việc kết hôn của chị Đ và anh P đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Do đó khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét về mâu thuẫn giữa chị Đ và anh P, lúc đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà các cặp vợ chồng thường mắc phải, HĐXX thấy rằng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong gia đình mà anh, chị không tìm hiểu nguyên nhân từ đâu để vợ chồng cùng nhau tìm cách dàn xếp, khắc phục, tháo gỡ những mâu thuẫn, để cùng nhau làm ăn chăm lo tương lai cho con của anh, chị sau này mới phải. Nhưng ở đây anh, chị đã không làm được điều đó mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng cho đến nay, mà dẫn đến chị Đ khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh P. Từ khi thụ lý vụ kiện Tòa án tiến hành mời hai bên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay HĐXX động viên anh, chị bỏ qua những mâu thuẫn nhỏ để tiếp tục đoàn tụ chung sống với nhau nhưng chị Đ cương quyết xin ly hôn vì chị cho rằng vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau, anh P không tôn trọng chị, thiếu trách nhiệm với gia đình vợ con đời sống vợ chồng mất dần tình cảm, không còn hạnh phúc. Anh P cũng thừa nhận anh ít quan tâm đến vợ con và cũng có những lời lẽ không hay đối với chị Đ. Nên HĐXX xét thấy quá trình chung sống giữa anh, chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài mà không thể tự hòa giải với nhau, đồng thời anh, chị có thời gian khắc phục mâu thuẫn, nhưng không có kết quả. Nay chị Đ cương quyết xin ly hôn chứ không đồng ý chung sống với anh P nữa. Từ những cơ sở nhận định và phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Do đó, chị Đ yêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị Đ và anh P xác định anh, chị có 01 con chung tên Trần Nhật T, sinh ngày: 27/7/2014. Hiện chị Đ đang chăm sóc và nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ và anh P đều yêu cầu xin được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Tân.

Xét yêu cầu của chị Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con Trần Nhật T, sinh ngày: 27/7/2014 và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con xét yêu cầu này của chị Đ là có căn cứ chấp nhận - Bởi lẽ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”*. Mặc khác, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con do chị Đ chăm sóc và nuôi dưỡng xét về mặt tâm lý thì tình cảm của con gần gũi và mến mẹ nhiều hơn, sự tận tụy, chu đáo chăm sóc yêu thương của người mẹ sẽ đảm bảo cho sự phát triển của con nhiều hơn về mọi mặt nên HĐXX nghĩ nên giao cháu Trần Nhật T, sinh ngày: 27/7/2014 cho chị Đ tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Nếu sau này anh P xét thấy chị Đ không chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tân được tốt thì anh P có thể khởi kiện yêu

cầu Tòa án giải quyết xin thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Anh P có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản và nợ chung: Chị Đ và anh P cùng xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ yêu cầu xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 01 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ và Anh Trần Nguyễn Ngọc P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Nhật T, sinh ngày: 27/7/2014 cho Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (Trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật)

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Anh Trần Nguyễn Ngọc P có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm.

3. Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn chị Đ phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008308 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 18/12/2017.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;

- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã ;
- Các đương sự;
- Lưu.